



SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

HỘI THẢO
Đánh giá tác động
của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)
– Những vấn đề cần quan tâm

Đồng Nai, ngày 28 tháng 5 năm 2015



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
Foreign Trade University

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU: Những vấn đề cần chú ý

PGS, TS. Đào Ngọc Tiến
Trường Đại học Ngoại thương
Email: dntien@ftu.edu.vn
Điện thoại: 0913 566 677

Bài trình bày phản ánh quan điểm cá nhân của tác giả, KHÔNG phải là quan điểm hay ý kiến của bất kỳ một tổ chức nào

Nội dung trình bày

1. Quan hệ kinh tế Việt Nam – EU
2. Khái quát về EVFTA
3. Cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp

1. Quan hệ kinh tế Việt Nam – EU

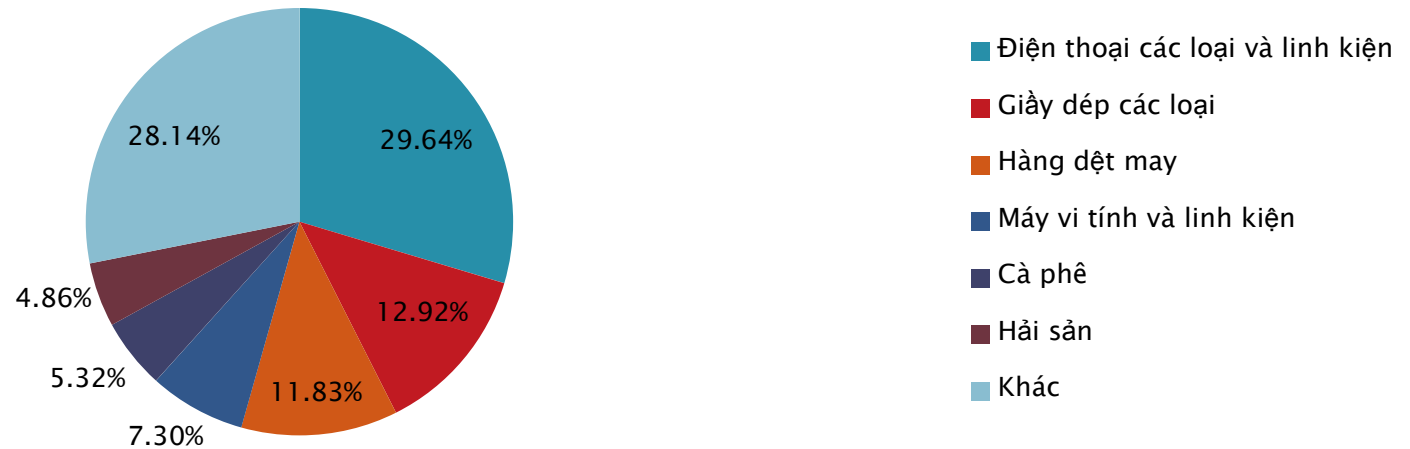
- Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – EU: tăng gần 9 lần, từ 4,1 tỷ USD (2000) lên 36,8 tỷ USD (2014);
- Từ 2012, EU - đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam;
- Việt Nam xuất khẩu: dệt may, giày dép, điện thoại và linh kiện, máy tính, nông sản, thủy sản, đồ gỗ v.v...
- EU xuất khẩu: máy móc - thiết bị - dụng cụ, dược phẩm, nguyên phụ liệu dệt may da...

Thống kê kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – EU

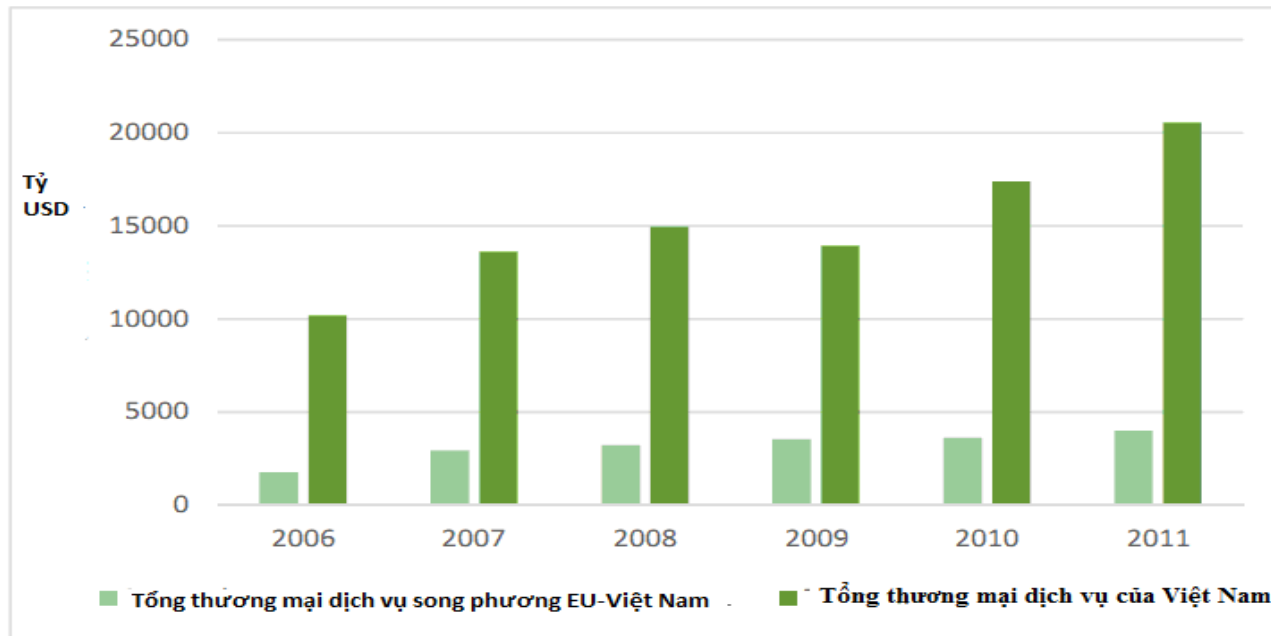
(đơn vị: triệu USD)

Năm	XK		NK		XNK	
	Trị giá	Tăng (%)	Trị giá	Tăng (%)	Trị giá	Tăng (%)
2000	2.824	12,7	1.302	23,7	4.127	15,9
2005	5.519	11,2	2.588	-3	8.100	6,2
2008	10.852	19,36	5.445	6	16.298	14,5
2011	16.545	45,31	7.747	21,78	24.292	36,88
2012	20.302	22,7	8.791	13,48	29.093	20,18
2014	27.932	14,81	8.905	-5,78	36.838	9,05

Tính bổ sung và tập trung cao trong quan hệ thương mại VN-EU



Quan hệ thương mại dịch vụ giữa EU-Việt Nam



Nguồn : *EBOPS 2002 - OECD Database (2014) and Trademap Database (2014)*

– 5 đối tác lớn nhất: Anh, Pháp, Đức, Hà Lan và Đan Mạch (chiếm hơn 65% tổng kim ngạch thương mại dịch vụ giữa EU và Việt Nam)

Các lĩnh vực đầu tư của EU vào VN: tính đến hết 2013

- ▶ Công nghiệp và xây dựng (chiếm 50,1% số dự án và 50,6% tổng vốn đầu tư).
 - + công nghiệp nặng có 180 dự án với tổng vốn đầu tư gần 4,2 tỷ USD,
 - + khai thác dầu khí 19 dự án với 2,5 tỷ USD.
- ▶ Lĩnh vực dịch vụ (viễn thông, ngân hàng...) khoảng 40% số dự án và 42% tổng vốn đầu tư.
- ▶ Ngành nông nghiệp và lâm nghiệp số dự án chỉ chiếm 9,84% và 6,45% tổng vốn đăng ký
- ▶ Công nghiệp nhẹ (điện, điện tử, tin học, ô tô, xe máy, hóa chất, công nghệ thực phẩm): chiếm khoảng 17,47% tổng số dự án của EU đầu tư vào Việt Nam, số vốn chỉ chiếm gần 4% tổng vốn đầu tư của EU

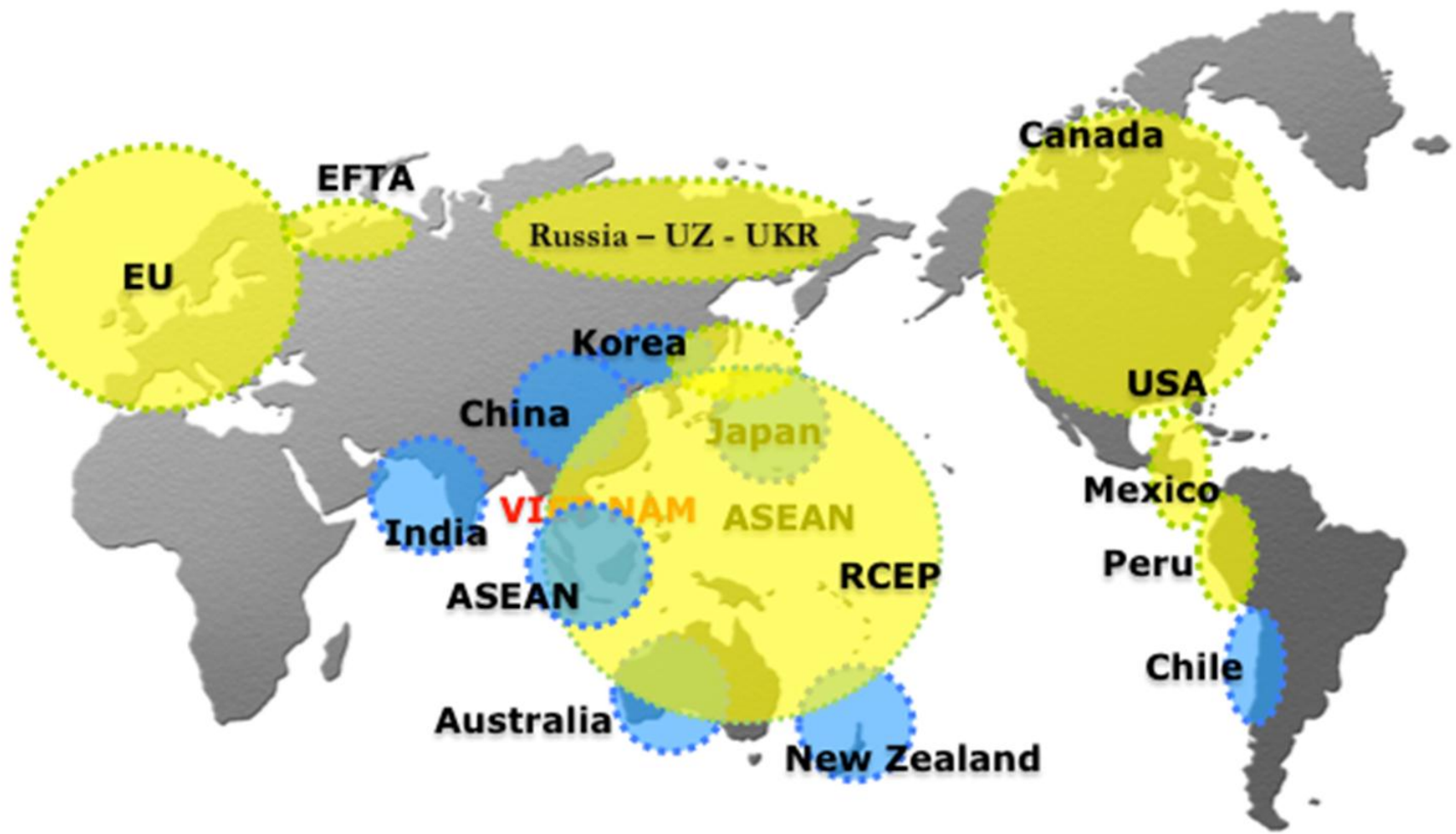
Sự cần thiết của EVFTA

Việt Nam:


- + Xuất khẩu
- + Đổi mới mô hình tăng trưởng
- + Chiến lược tham gia FTA

EU:

- + Thay đổi chính sách thương mại
- + Sự năng động của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương



 Đã có hiệu lực

 Đang đàm phán



So sánh các FTA

	VKFTA, VCUFTA, RCEP	TPP, EVFTA, EFTA
Đối tác	Truyền thống	Mới
Phạm vi	Thương mại hàng hóa	Rộng
Mức độ tự do hóa	Trung bình	Mạnh
Tác động	Thị trường XNK	Thế chế và các vấn đề bên trong biên giới

2. Quá trình đàm phán FTA Việt Nam – EU

- Tháng 10/2012: phiên đàm phán thứ nhất
- Hai bên đã hoàn tất 12 phiên đàm phán chính thức
- Quyết tâm cao nhằm mục tiêu cơ bản hoàn tất đàm phán trong 6 tháng đầu năm 2015

Nội dung đàm phán EVFTA

FTA toàn diện:

- 13 lĩnh vực: Thương mại hàng hóa, Thương mại dịch vụ, Đầu tư, Sở hữu trí tuệ, Quy tắc xuất xứ, TBT, SPS, Cạnh tranh, Phát triển bền vững, Pháp lý - thể chế, Hợp tác hải quan, Mua sắm Chính phủ, Hợp tác/nâng cao năng lực

FTA có mức độ mở cửa tương đối cao:

- Thương mại hàng hóa,
- Thương mại dịch vụ,
- Đầu tư,
- Sở hữu trí tuệ, bao gồm chỉ dẫn địa lý GI

Cấu trúc và nội dung đàm phán EVFTA

Các nội dung đã cơ bản kết thúc:

- Hải quan và thuận lợi hóa thương mại
- Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)
- Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS)
- Minh bạch hóa, giải quyết tranh chấp
- Phát triển bền vững
- Phòng vệ thương mại
- Hợp tác

Các nội dung then chốt:

- Thương mại hàng hóa
- Thương mại dịch vụ - đầu tư
- Mua sắm chính phủ
- Sở hữu trí tuệ, gồm cả GI



Cơ hội và thách thức

Vấn đề	Cơ hội	Thách thức
Thương mại hàng hóa	Tiếp cận thị trường	Quy tắc xuất xứ SPS, TBT
	Đa dạng hóa nhập khẩu	Cạnh tranh
Thương mại dịch vụ	Chất lượng dịch vụ Đầu vào cho sản xuất	Cạnh tranh
IPs	Bảo hộ chủ sở hữu	Giá hàng hóa cao
Đầu tư	Thu hút đầu tư	Phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong và ngoài nước



Cơ hội và thách thức

Vấn đề	Cơ hội	Thách thức
DNNN Mua sắm chính phủ	Cạnh tranh	Cạnh tranh
Lao động	Điều kiện lao động	Tiền lương
Môi trường	Bảo vệ môi trường	Tranh chấp

▶ Tiếp cận thị trường EU?

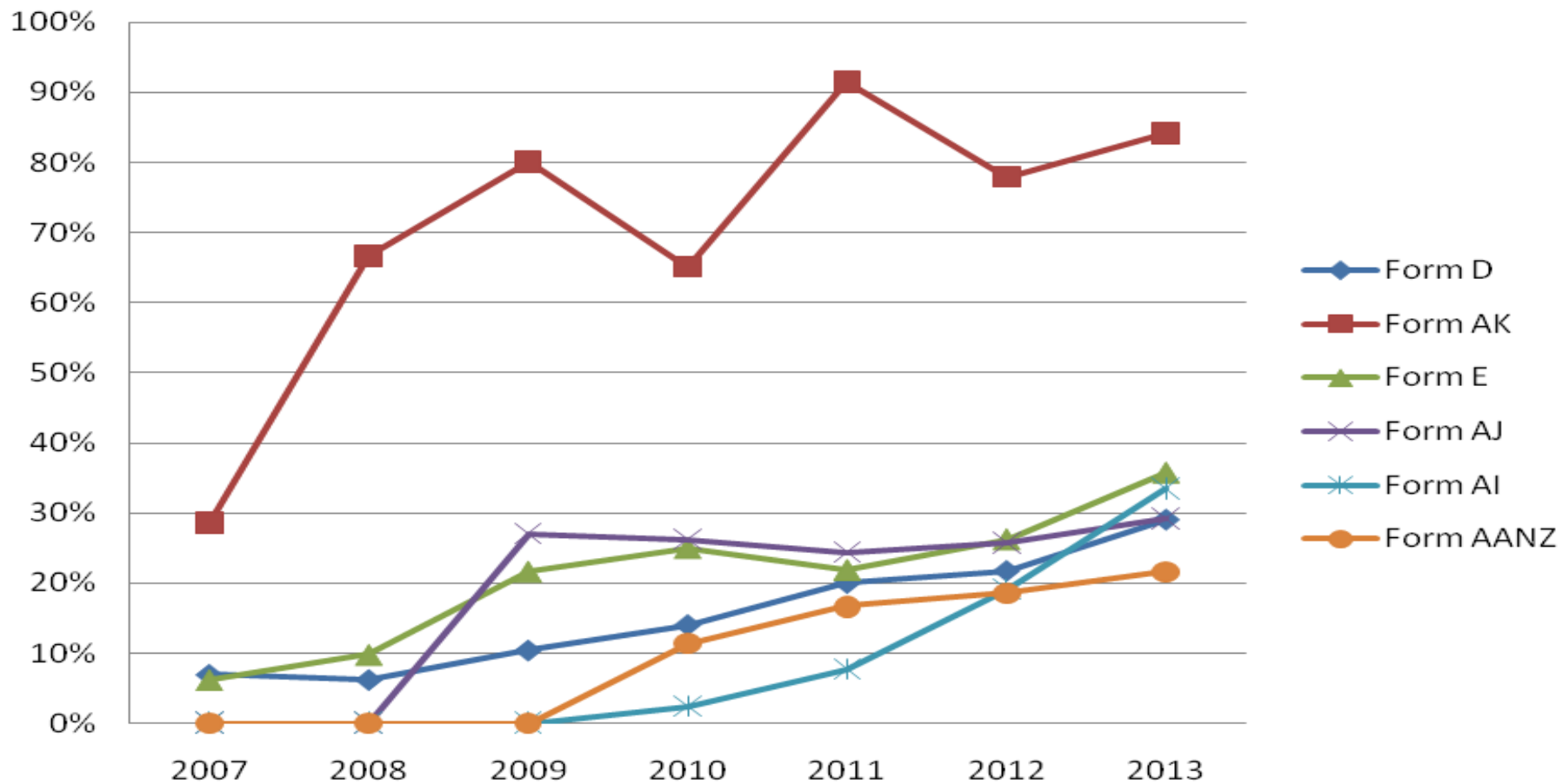
- Thuế suất trung bình cho hàng VN vào EU theo tỷ trọng kim ngạch XN còn cao (7%)
- GSP không ổn định

Khó khăn:

- Quy tắc xuất xứ?
- Quy trình tự chứng nhận xuất xứ?
- Hàng rào TBT – SPS?



Tỷ lệ tận dụng ATIGA và các FTA ASEAN+ (2007 - 2013)



▶ Nhập khẩu từ EU? (hàng hóa và dịch vụ)

- Cơ hội hay thách thức?
- Sản phẩm nông nghiệp: vấn đề về chỉ dẫn địa lý
- Sản phẩm công nghiệp (công nghệ, máy móc thiết bị)

▶ Đầu tư từ EU?

- Hiệu quả đầu tư
- Phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài
- Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư

Các vấn đề bên trong biên giới

- ▶ Điều kiện về lao động
- ▶ Yêu cầu tối thiểu về môi trường
- ▶ Doanh nghiệp nhà nước và mua sắm chính phủ

Doanh nghiệp cần làm gì?

- ▶ Thông tin và nguyên tắc bảo mật trong đàm phán
- ▶ Yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật
- ▶ Không gian chính sách

Động lực tăng trưởng đến từ cải cách trong nước
Lợi ích thương mại đến từ nỗ lực của doanh nghiệp

Xin trân trọng cảm ơn!

Liên hệ:

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)